TAND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:73/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 10 năm 2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Giáp Quang Huy

***Các Hội thẩm nhân dân:**1.Ông Giáp Đức Sơn; 2. Ông Dương Thanh Bình.

***Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký TAND huyện Lạng Giang.

*** Đại diện VKSND huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 17/10/2018 tại trụ sở TAND huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2018 về việc *" tranh chấp: Hôn nhân gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2018/QĐXXST ngày 11/9/2018, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991 (có mặt tại phiên toà)

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang

* **Bị đơn**: Anh Nguyễn Anh K, sinh năm 1986 (vắng mặt tại phiên toà)

Địa chỉ:Ấp Long H,xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 28/6/2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Anh K kết hôn ngày 05/9/2011, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có ĐK KH tại UBND xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo quy định của pháp luật. Thời gian 03 năm đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra , nhưng kể từ năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhan là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống thường xảy ra cãi cọ, xô xát với nhau. Hiện vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho tới nay, không còn quan hệ tình cảm và quan tâm gì đến nhau nữa . Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và kéo dày, đời sống chung không thể tiếp tục D trì, mục đích của hôn nhân không đạt được; Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh K.

- Về con chung : Vợ chồng sinh được 01 con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 27/11/2011, hiện con đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung:Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai đề ngày 18/6/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Anh K trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Trần Thị T kết hôn ngày 05/9/2011, kết hôn do tự nguyện và có ĐKKH tại UBND xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo quy định của pháp luật. Thời gian khoảng 03 năm đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, nhưng kể từ năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống thường xảy ra cãi cọ, xô xát với nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho tới nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và kéo dày, mục đích của hôn nhân không đạt được; Do đó chị T xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng sinh được 01 con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 27/11/2011, hiện con đang ở cùng với mẹ. Nay ly hôn chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý.

- Về tài sản chung: không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân trình bầy quan điểm:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tại phiên toà của HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà của đương sự thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273; Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T ly hôn với anh Nguyễn Anh K.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T nuôi con Nguyễn Anh D, sinh ngày 27/11/2011 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi; cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu, do đó không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Anh K được quyền thăm con, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Anh K kết hôn ngày 05/9/2011, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có ĐKKH tại UBND xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu khởi kiện: Thời gian khoảng 03 năm đầu sau khi kết hôn , vợ chồng chung số ng hoà thuận , không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Nhưng kể từ năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống thường xảy ra cãi cọ, xô xát với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho tới nay, không còn quan hệ tình cảm và quan tâm gì đến nhau nữa . Do đó Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng chị T anh K đã đến mức trầm trọng và kéo dày, đời sống chung không thể tiếp tục duy trì, mục đích của hôn nhân không đạt được; Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh K và anh K cũng đồng ý, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung : Vợ chồng chị sinh được 01 con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 27/11/2011, hiện con đang ở cùng với chị T. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị và anh K cũng đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị T.

- Về tài sản chung: Chị T và anh K đều xác định không có , nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273; Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1.Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T ly hôn với anh Nguyễn Anh K.

2.Về con chung: Giao chị Trần Thị T nuôi dưỡng con Nguyễn Anh D, sinh ngày 27/11/2011 đến khi con t rưởng thành đủ 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Anh K được quyền thăm con , không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng án phí HNGĐ-ST, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0006600 ngày 03/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị Trần Thị T đã thi hành song án phí HNGĐ-ST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm; Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Giang.*
- *VKS huyện Lạng Giang.*
- *THA huyện Lạng Giang.*
- *UBND xã Phước Thạnh .*
- *Các đương sự.*
- *lưu hô sơ, Văn phòng.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký

Giáp Quang Huy